

Bản án số **216/2024/HSST**

Ngày 20/8/2024

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thu Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Ninh

2. Ông Lê Đình Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Phương L – Thư ký Tòa án nhân dân TPTN

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN, tỉnh TN tham gia phiên toà:**  
Bà Diệp Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân TPTN xét xử sơ thẩm C4 khai vụ án hình sự thụ lý số 180/2024/HSST ngày 10/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-HS ngày 06/8/2024 đối với bị cáo :

**Nguyễn Xuân G**, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 04 năm 1989. Nơi cư trú tổ 7, phường Q, TPTN, tỉnh TN; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Tự do. Con ông Ngô Đức X, sinh năm 1967, con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967. Gia đình có 02 A em, bị cáo là con thứ nhất, bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Bản án số 95/2011/HSST ngày 15/4/2011, Tòa án nhân dân TPTN xử phạt Nguyễn Xuân G 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 6.500.000 đồng bồi thường dân sự (đã thi Hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm ngày 11/4/2013); số tiền 6.500.000 đồng bồi thường dân sự, xác minh tại Cơ quan thi Hành án dân sự xác định đã ra Quyết định trả đơn số 90 ngày 19/01/2012 do người phải thi Hành án không có điều kiện để thi Hành án, hiện nay bị cáo G chưa bồi thường dân sự.

- Tiền sự: không có

- Nhân thân: 02

+ Bản án số 50/2011/HSST ngày 27/6/2011, Tòa án nhân dân huyện Đ.H xử phạt Nguyễn Xuân G 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, (Thi Hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 11/4/2013).

+ Bản án số 221/2011/HSST ngày 27/6/2011, Tòa án nhân dân TPTN xử phạt Nguyễn Xuân G 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Thi Hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 11/4/2013).

Tại Quyết định tổng hợp bản án hình sự số 01/2011/QĐ-CA ngày 21/9/2011 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN, quyết định: “Tổng H3 Bản án hình sự số 221/2011/HSST ngày 27/6/2011 của Tòa án nhân dân TPTN, án phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2011/HSST ngày 27/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, án phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cộng với thời gian bị cáo chưa chấp Hành hình phạt của Bản án số 95 ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân TPTN là 04 tháng 06 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án số 50/HSST và Bản án số 95/HSST là 16 tháng 06 ngày. Bị cáo G phải chấp Hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 25 tháng 06 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2011”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2013.

Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN từ ngày 27/3/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

**Những người bị hại:**

1. Ông Dương Kỳ S, sinh năm 1966, cư trú tổ 07, phường Q, TPTN, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Xuân L, sinh năm 1987, cư trú tổ 07, phường Q, TPTN, tỉnh TN. Chỗ ở hiện nay tổ 10, phường T.L, TPTN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. A Trần Văn Tr, sinh năm 1993, cư trú xóm T.hxã H.th, huyện Đ.H, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt

4. A H.N, sinh năm 2003, cư trú xóm M, xã T.Q, TPS.C, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. A Sầm Hoàng Đ, sinh năm 2005, trú tại xóm B.B, xã YN, huyện P.L, tỉnh TN.

Đại diện cho Anh Đ: Bà Ma Thị V, sinh năm 1958, cư trú xóm B.B, xã YN, H.P.L, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. A Đỗ Tiến T, sinh năm 1996, cư trú xóm S C, xã S C, TPTN, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, cư trú xóm Ch, xã P.tr, TPTN, tỉnh TN. Chỗ ở hiện nay tổ 10, phường T.L, TPTN. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1973, cư trú xóm M, xã T.Q, TPS.C, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. A Đỗ Ngọc H, sinh năm 1989, trú tại tổ 06, phường Q.tr, TPTN, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt

5. A Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1995, trú tại tổ 02, phường T4, TPTN. Có mặt

### **Những người làm chứng:**

1. A Đặng Ngọc A, sinh năm 1994, cư trú xóm H3 THành, xã CN, TPTN, tỉnh TN. Vắng mặt
2. A Ngô Quốc C4, sinh năm 1992, cư trú tổ 01, phường C.H, TPTN, tỉnh TN. Vắng mặt
3. Chị Từ Thị Thùy L, sinh năm 2006, xóm B, xã L S, TPTN, tỉnh TN. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài Nguyễn Xuân G nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/10/2020 đến ngày 29/10/2023 G đã 05 lần thực hiện Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn TPTN, tỉnh TN. Cụ thể:

\* *Vụ thứ nhất:* Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/10/2020, G đi bộ một mình đến trước cửa nH ông Dương Kỳ S, sinh năm 1966, trú tại tổ 07, phường Q, TPTN (là Hàng xóm của G), nhìn thấy trước cửa nH ông S có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, Biển kiểm soát 20B2-054.64 (đăng ký xe mô tô mang tên Dương Kỳ S), G nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông S nên đã đi vào nH nói dối ông S chở G đến nhà mẹ đẻ của G ở tổ 02, phường T4, TPTN có việc, ông S tưởng thật nên đồng ý. Do ông S không biết đường nên đã đưa xe mô tô cho G điều khiển chở ông S. Để thực hiện mục đích chiếm đoạt xe của ông S, đến đoạn đường thuộc tổ 02, phường T4, TPTN, G bảo ông S xuống xe đứng đợi ở rìa đường để G vào nhà mẹ đẻ. Do tin G ông S đồng ý và giao xe mô tô cho G, sau khi chiếm đoạt được xe, G điều khiển xe của ông S đến khu vực phường Th.Đ, TPTN rồi liên hệ với người có tên “C” (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) thỏa thuận cầm cố xe với giá 2.000.000 đồng, số tiền cầm cố G sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ông S đợi không thấy G quay lại trả xe, đã liên lạc với G nhiều lần để đòi xe nhưng không được, ông S xác định bị G lừa để chiếm đoạt tài sản nên đã đến Công an TPTN trình báo sự việc. Ngoài ra, ông S trình bày còn đưa cho G 01 điện thoại di động loại đen trắng (không rõ nhãn hiệu, đặc điểm).

Quá trình điều tra xác định: Tài sản Nguyễn Xuân G chiếm đoạt của ông Dương Kỳ S là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, Biển kiểm soát 20B2 – 054.64, đã qua sử dụng (hiện chưa thu hồi được).

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐDGTS ngày 29/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TPTN kết luận: “Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, số khung: RLHJA3900HY448225; số máy: JA39E0423363, Biển kiểm soát 20B2-054.64, đã qua sử dụng, trị giá **12.600.000** đồng”.

\* *Vụ thứ hai:* Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/6/2021, A Trần Xuân L, sinh năm 1987, nơi cư trú tổ 09, phường Q, TPTN, tỉnh TN (là A em họ Hàng với G) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, Biển kiểm soát 20B2-106.34 (xe của bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, trú tại xóm Ch, xã P.tr, TPTN cho A L mượn) đến nhà G chơi. Thấy A L đến, G nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe của A L, G nói dối A L cho mượn xe để đi Ch mua thịt. Do tin tưởng G là A em họ hàng A L đồng ý giao xe mô tô trên cho G, sau khi chiếm đoạt được xe G điều khiển đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ mua bán ô tô N.D, xã CL, huyện P.L, tỉnh TN, tại đây gặp một nam thanh niên tại cửa hàng và thỏa thuận cầm cố xe với giá 5.000.000 đồng, số tiền cầm cố xe, G sử dụng chi tiêu cá nhân hết. A L không thấy G về trả xe, liên hệ với G không được, nên đã đến Công an TPTN trình báo sự việc. Cơ quan điều tra triệu tập A Nguyễn Văn D, sinh năm 1970, trú tại xóm 9, xã C1, huyện P.L khai không được nhận cầm cố xe mô tô trên, không quen biết G.

Quá trình điều tra xác định: Tài sản mà G chiếm đoạt của A Trần Xuân L là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, Biển kiểm soát 20B2-106.34, đã qua sử dụng (hiện chưa thu hồi được).

Tại Kết luận định giá tài sản số 212/KL-HĐĐGTS ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TPTN kết luận: “Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S xA bạc đen; Số khung: JF63E2199660; số máy: RLHJF6329HZ166091, Biển kiểm soát 20B2-106.34, đã qua sử dụng, trị giá **28.000.000** đồng.

\* *Vụ thứ ba:* Khoảng 07 giờ ngày 20/9/2022, Nguyễn Xuân G đi bộ một mình đến nhà A Đặng Ngọc A, sinh năm 1994, trú tại xã CN, TPTN, tỉnh TN chơi. Đến nơi, G vào nhà Ngọc A thấy có A Trần Văn Tr, sinh năm 1993, trú tại xóm T.hthị trấn H.th, huyện Đ.H, tỉnh TN và A Ngô Quốc C4, sinh năm 1992, trú tại tổ 01, phường C.H, TPTN, tỉnh TN (là bạn của Ngọc A) đang ngồi chơi, G nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, Biển kiểm soát 20B1-161.75 (đăng ký xe mang tên Ngô Mạnh Hùng, sinh năm 1977, ở xóm Nam Thái, xã H.th, huyện Đ.H, A Tr mua của ông Hùng năm 2014) dựng ở cổng nH Ngọc A, nên G nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe. G nói dối A Tr là mượn xe đi ra ngoài có việc, không thấy A Tr trả lời, G cầm lấy chìa khóa xe để trong mũ bảo hiểm đặt trên giường gần chỗ A Tr ngồi rồi ra xe điều khiển đi. G khai sau khi chiếm đoạt được xe G liên hệ với người tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) tìm chỗ cầm cố xe, G nói với Đạt là xe của G. Đ đưa G đến nhà A Đỗ Tiến T, sinh năm 1996, trú tại xóm S C, xã S C, TPTN. Tại đây, G thỏa thuận với A T cầm cố xe mô tô trên với giá 3.000.000 đồng, anh T không biết đây là tài sản do G phạm tội mà có nên đã đồng ý cầm cố xe mô tô với số tiền trên. Sau khi nhận cầm cố xe, anh T không thấy người cầm xe quay lại nên anh T đã bán xe cho người mua sắt vụn. Số tiền cầm cố, G sử dụng chi tiêu cá nhân hết. anh Tr không thấy G quay lại trả xe, đã nhiều lần liên lạc với G nhưng không được, biết bị G lừa nên đã đến Công an TPTN trình báo sự việc.

Quá trình điều tra xác định: Tài sản do G chiếm đoạt của A Trần Văn Tr là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, Biển kiểm soát 20B1-161.75, đã qua sử dụng (hiện chưa thu hồi được).

Tại Kết luận định giá tài sản số 305/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TPTN kết luận: “Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu S trắng – đen; số máy: 55P1 – 041498; số khung: BY 041534, Biển kiểm soát 20B1-161.75, đã qua sử dụng, trị giá **7.200.000** đồng”.

\* *Vụ thứ tư:* Khoảng 18 giờ ngày 15/10/2022, A Sầm Hoàng Đức, sinh năm 2005, trú tại xóm B.B, xã YN, huyện P.L, tỉnh TN điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43 (đăng ký xe mang tên Ma Thị V, sinh năm 1958, trú tại xóm B.B, xã YN, huyện P.L, tỉnh TN) chở Nguyễn Việt C1, sinh năm 1999, trú tại tổ 14, phường T.D, TPTN, tỉnh TN đến nh G chơi. G khai đến khoảng 07 giờ ngày 16/10/2022, C1 bàn bạc với G chiếm đoạt xe của Anh Đ để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ cho G và tiêu xài cá nhân. C1 phân C4 cho G lấy xe của Anh Đ, còn C1 liên hệ với người nhận cầm cố xe và bảo G mang xe đến đầu ngõ 166, đường O, thuộc tổ 06, phường Q.tr, TPTN để đó cho C1, G đồng ý; sau đó, G nói dối Anh Đ là mượn xe để đi mua đồ ăn sáng, Anh Đ tưởng thật nên đồng ý giao xe mô tô cho G, sau khi chiếm đoạt được xe G điều khiển xe đến vị trí như C1 hướng dẫn rồi để xe lại đó, G được bạn đón đi chơi. Sau đó liên hệ với C1 để nhận tiền cầm cố xe nhưng không liên hệ được và được mọi người cho biết C1 đã chết. Không thấy G quay lại trả xe, Anh Đ nhiều lần liên hệ với G đòi xe nhưng không liên lạc được nên đã đến Công anTPTN trình báo sự việc.

Quá trình điều tra xác định: Tài sản mà Nguyễn Xuân G chiếm đoạt của A Sầm Hoàng Đức là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43, đã qua sử dụng (hiện chưa thu hồi được).

Tại Kết luận định giá tài sản số 307/KL-HĐĐGTS ngày 07/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TPTN kết luận: “Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S đen bạc, số máy JA39E2375353, số khung: RLHJA3928MY255073, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43, đã qua sử dụng, trị giá **18.450.000** đồng.

\* *Vụ thứ năm:* Khoảng tháng 6/2023, Nguyễn Xuân G quen biết với A H.N, sinh năm 2003, trú tại xóm M, xã T.Q, TPS.C, tỉnh TN. G thường xuyên gặp Nguyễn nên biết Nguyễn có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, Biển kiểm soát 20B2- 399.27 (xe của bà Bùi Thị L1, sinh năm 1973, trú tại xóm M, xã T.Q, TPS.C, tỉnh TN cho A.Nmượn), G nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của A Nguyễn. Khoảng 20 giờ ngày 29/10/2023, G gọi A.Nđến quán “Kem ký” trên đường BS, thuộc tổ 10, phường HVT, TPTN uống nước, nhằm chiếm đoạt tài sản, A.Nđiều khiển xe mô tô trên chở chị Từ Thị Thùy L, sinh năm 2006, trú tại xóm B, xã L S, TPTN, tỉnh TN đến quán “Kem ký” để uống nước cùng với G; sau khi ngồi uống nước tại quán được 05 phút, G lấy lý do mượn xe của A.Nđể đi lấy điện thoại, A.Ntưởng thật đã giao xe mô tô

trên cho G. Sau khi chiếm đoạt được xe, G điều khiển xe đến nH A Đỗ Ngọc H, sinh năm 1989, trú tại tổ 06, phường Q.tr, TPTN, G nói là xe của G và thỏa thuận với A H cầm cố xe với giá 12.000.000 đồng. A H không biết đây là tài sản do G phạm tội mà có nên đã đồng ý; số tiền cầm cố xe, G sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

A.Nđợi không thấy G quay lại trả xe đã nhiều lần liên lạc với G và được G thông báo đã đem xe mô tô của A.Nđi cầm cố tại cửa Hàng cầm đồ của A H. Ngày 03/11/2023, Nguyên tự liên hệ với A H để chuộc lại xe với số tiền 12.000.000 đồng, sau đó đến PTN trình báo sự việc.

Quá trình điều tra xác định: Tài sản do G chiếm đoạt của A.N01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, Biển kiểm soát 20B2- 399.27, đã qua sử dụng (hiện đã thu hồi được).

Tại Kết luận định giá tài sản số 341/KL-HĐĐGTS ngày 30/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TPTN kết luận: “Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S đen, số khung: RLHJF6337LZ610750, số máy: JF94E0209957, Biển kiểm soát 20B2- 399.27, đã qua sử dụng có giá **26.000.000** đồng”.

Trong suốt quá trình điều tra, bị cáo G đã khai nhận Hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của bị cáo phù H3 với lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S xA đen bạc, số khung: RLHJA3900HY448225; số máy: JA39E042336, Biển kiểm soát 20B2 – 054.64, đã qua sử dụng của ông Dương Kỳ S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S xA bạc đen; Số khung: JF63E2199660; số máy: RLHJF6329HZ166091, Biển kiểm soát 20B2-106.34, đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu S trắng – đen; số máy: 55P1 – 041498; số khung: BY 041534, Biển kiểm soát 20B1-161.75, đã qua sử dụng của A Trần Văn Tr (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S đen bạc, số máy JA39E2375353, số khung: RLHJA3928MY255073, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43, đã qua sử dụng của bà Ma Thị V (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S đen, số khung: RLHJF6337LZ610750, số máy: JF94E0209957, Biển kiểm soát 20B2- 399.27, đã qua sử dụng của bà Bùi Thị L1 (đã thu hồi được). Tại Quyết định xử lý vật chứng số 335/QĐ-ĐTTH, ngày 12/01/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công anTPTN đã trả lại xe mô tô trên cho bà Bùi Thị L1 (mẹ đẻ của A H.N) là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

**Phần dân sự:**

- Quá trình điều tra, bị cáo đã nhờ A Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1995, trú tại tổ 02, phường T4, TPTN (em của G) thỏa thuận bồi thường cho A Trần Văn Tr số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho A Sầm Hoàng Đức số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do Anh Đ đã chết, ngày 12/9/2023, cơ quan điều tra xác minh bố Anh Đ (ông Sầm Hoàng Nguyên đã chết; mẹ Trần Thị Diệu bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được nơi cư trú). Do Anh Đ không có ai thân thích khác, nên bà Ma Thị V (bà nội của A Sầm Hoàng Đức) là người đại diện cho Anh Đ nhận số tiền trên. A Tr và bà V không yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo G.

- Ông Dương Kỳ S yêu cầu G bồi thường 12.600.000 đồng; A Trần Xuân L yêu cầu bị cáo bồi thường 28.000.000 đồng (giá trị tài sản do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận); A H.N yêu cầu bị cáo G bồi thường số tiền đã chuộc xe 12.000.000 đồng;

Tại bản Cáo trạng số 186/KSĐT- KT ngày 08/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân TPTN truy tố bị cáo Nguyễn Xuân G về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận Hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Xuân G về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; đánh giá nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên và tái phạm, quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường dân sự cho A Trần Xuân L 28.000.000 đồng; A H.N 12.000.000 đồng. Ông Dương Kỳ S có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường 12.600.000 đồng.

Đối với A Trần Văn Tr đã nhận số tiền 7.000.000 đồng, A Sầm Hoàng Đức nhận số tiền 10.000.000 đồng; có đơn xin xét xử vắng mặt không yêu cầu giải quyết phần dân sự nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S xA đen bạc, số khung: RLHJA3900HY448225; số máy: JA39E042336, Biển kiểm soát 20B2 – 054.64, đã qua sử dụng của ông Dương Kỳ S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S xA bạc đen; Số khung: JF63E2199660; số máy: RLHJF6329HZ166091, Biển kiểm soát 20B2-106.34, đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu S trắng – đen; số máy: 55P1 – 041498; số khung: BY 041534, Biển kiểm soát 20B1-161.75, đã qua sử dụng của A Trần Văn Tr (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S đen bạc, số máy JA39E2375353, số khung: RLHJA3928MY255073, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43, đã qua sử dụng của bà Ma Thị V (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S đen, số khung: RLHJF6337LZ610750, số máy: JF94E0209957, Biển kiểm soát 20B2- 399.27, đã qua sử dụng của bà Bùi Thị L1 (đã thu hồi được). Ngày 12/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TPTN trả lại xe mô tô trên cho bà Bùi Thị L1 (mẹ đẻ của A H.N) là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Trong phần trA luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội; phần dân sự bị cáo đã tác động đến gia đình để trả cho A Trần Văn Tr số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho A Sâm Hoàng Đức số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho Trần Xuân L số tiền 28.000.000 đồng bằng với giá trị xe do bị cáo chiếm đoạt; bồi thường cho A H.N số tiền 12.000.000 đồng A.Nchוע lại xe.

Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đề nghị xét xử theo quy định.

A Nguyễn Văn Th1 đề nghị không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền do A Th1 đứng ra bồi thường cho A Tr, Anh Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về Hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TPTN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TPTN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng là H3 pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng. Căn cứ Điều 292, 293, 296 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến Hành xét xử.

[2]. Qua phần xét hỏi và trA luận tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận Hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù H3 với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo xác định Hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TPTN truy tố là đúng người, đúng tội.

Xét, lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù H3 với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, kết luận định giá tài sản, lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Do không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 01/10/2020 đến ngày 29/10/2023 G đã 05 lần đưa ra thông tin gian dối về việc mượn xe mô tô để sử dụng làm phương tiện đi lại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác rồi đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Cụ thể:

*Vụ thứ nhất:* Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/10/2020, tại tổ 02, phường T4, TPTN, G có Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S xA, đen bạc, Biển kiểm soát 20B2-054.64 (đăng ký xe mang tên Dương Kỳ S) trị giá 12.600.000 đồng của ông Dương Kỳ S. Sau khi chiếm đoạt được xe, G mang đi cầm cố được số tiền 2.000.000 đồng, số tiền cầm cố G tiêu xài cá nhân hết. Hiện tài sản không thu hồi được. Ông S yêu cầu G bồi 12.600.000 đồng bằng với giá trị xe mô tô mà G chiếm đoạt (hiện G chưa bồi thường).

*Vụ thứ hai:* Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/6/2021, tại tổ 07, phường Q, TPTN, G có Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Aiblade, Biển kiểm soát 20B2-106.34 (đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị S) trị giá 28.000.000 đồng của A Trần Xuân L. Sau khi chiếm đoạt được xe, G mang đi cầm cố với giá 5.000.000 đồng, số tiền cầm cố G tiêu xài cá nhân hết. Hiện tài sản không thu hồi được. A L yêu cầu G bồi thường số tiền 28.000.000 đồng bằng với giá trị xe mô tô mà G chiếm đoạt (hiện G chưa bồi thường).

*Vụ thứ ba:* Khoảng 07 giờ ngày 20/9/2022, tại xóm H3 THành, xã CN, TPTN, tỉnh TN, G có Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, Biển kiểm soát 20B1-161.75 (đăng ký xe mang tên Ngô Mạnh Hùng) trị giá 7.200.000 đồng của A Trần Văn Tr. Sau khi chiếm đoạt được xe, G đã mang đi cầm cố với giá 3.000.000 đồng, số tiền cầm cố G tiêu xài cá nhân hết. Hiện tài sản không thu hồi được. G đã bồi thường cho A Tr số tiền 7.000.000 đồng, A Tr không yêu cầu, đề nghị gì khác.

*Vụ thứ tư:* Vào khoảng 07 giờ ngày 16/10/2022, tại tổ 07, phường Q, TPTN, tỉnh TN, G thực hiện Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43 trị giá 18.450.000 đồng (đăng ký xe mang tên Ma Thị V) của A Sầm Hoàng Đức (G khai đã bàn bạc với Nguyễn Việt C1 để lừa đảo chiếm đoạt xe của Anh Đ. Sau khi chiếm đoạt được xe, G điều khiển xe đến vị trí C1 hướng dẫn rồi để lại đó rồi được bạn đón đi chơi. Sau đó, G liên hệ với C1 để nhận tiền thì được biết C1 đã chết). Hiện tài sản không thu hồi được. G đã bồi thường cho bà Ma Thị V (đại diện cho A Sầm Hoàng Đức) số tiền 10.000.000 đồng, bà V không yêu cầu, đề nghị gì khác.

*Vụ thứ năm:* Khoảng 20 giờ ngày 29/10/2023, tại tổ 10, phường HVT, TPTN, G đã thực hiện Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 (một) xe mô tô

nhãn hiệu Honda Airblade, màu S đen, Biển kiểm soát 20B2- 399.27 (đăng ký xe mang tên Bùi Thị L1) trị giá 26.000.000 đồng của A Trần Xuân Nguyên. Sau khi chiếm đoạt được xe, G điều khiển đến cửa Hàng nH A Đỗ Ngọc H cầm cố với số tiền 12.000.000 đồng. Số tiền cầm cố G dùng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, G thông báo cho A.Nvề việc đã mang xe đi cầm cố tại cửa Hàng nH A H, A.Nđã tự liên hệ với A H để chuộc xe với số tiền 12.000.000 đồng. Hiện tài sản đã thu hồi được. A.Nyêu cầu G bồi thường số tiền 12.000.000 đồng bằng số tiền đã chuộc xe (Hiện bị cáo chưa bồi thường).

Tổng giá trị tài sản mà G chiếm đoạt trong 05 vụ án trên là **92.250.000** đồng.

Do đó, Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật như sau:

**“Điều 174: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường H3 sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm .*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường H3 sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”*

**[3]** Xét tính chất, mức độ, Hành vi của bị cáo trong vụ án là nghiêm Tr; Hành vi của bị cáo cố ý xâm phạm trực tiếp đến tài sản của C4 dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với mức độ Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

**[4]** Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

**4.1. Về nhân thân:** Bị cáo có nhân thân rất xấu, năm 2011 bị xét xử bằng ba bản án hình sự như: Bản án số 95/2011/HSST ngày 15/4/2011, Tòa án nhân dân TPTN xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Bản án số 221/2011/HSST ngày 27/6/2011, Tòa án nhân dân TPTN xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 50/2011/HSST ngày 27/6/2011, Tòa án nhân dân huyện Đ.H xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 50/2011 tổng H3 hình phạt 04 tháng 06 ngày đối với bị cáo tại Bản án số 95/2011 ngày 15/4/2011 của Tòa án TPTN do chưa chấp Hành xong (Hình phạt chung cho cả hai bản án 16 tháng, 06 ngày).

Quyết định tổng H3 Bản án hình sự số 01/2011/QĐ-CA ngày 21/9/2011 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN, tổng hợp bản án hình sự số 221/2011/HSST ngày 27/6/2011, Tòa án nhân dân TPTN xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với Bản án hình sự số 50/HSST ngày 27/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H tỉnh TN xử phạt 12 tháng tù về

tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cộng với thời gian 04 tháng 06 bị cáo chưa chấp Hành hình phạt của bản án số 95/HSST ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân TPTN về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Xuân G phải chấp Hành chung cho cả hai bản án là 25 tháng 06 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2011. Bị cáo đã chấp Hành xong cả hai bản án ngày 03/5/2013.

**4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Tại Bản án số 95/2011/HSST ngày 15/4/2011, Tòa án nhân dân TPTN xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, phần chấp Hành hình phạt và án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo đã thi Hành xong ngày 11/4/2013, tuy nhiên bị cáo chưa bồi thường dân sự số tiền 6.500.000 đồng cho người bị hại. Khi phạm tội M bị cáo chưa được xoá án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” và “Phạm tội từ 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

**4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội đầu thú”; “Người phạm tội tHành khẩn khai báo”; “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”; “Bị hại và người đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt”, được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

**[5]. Vật chứng của vụ án:**

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S xA đen bạc, số khung: RLHJA3900HY448225; số máy: JA39E042336, Biển kiểm soát 20B2 – 054.64, đã qua sử dụng của ông Dương Kỳ S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S xA bạc đen; Số khung: JF63E2199660; số máy: RLHJF6329HZ166091, Biển kiểm soát 20B2-106.34, đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu S trắng – đen; số máy: 55P1 – 041498; số khung: BY 041534, Biển kiểm soát 20B1-161.75, đã qua sử dụng của A Trần Văn Tr (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S đen bạc, số máy JA39E2375353, số khung: RLHJA3928MY255073, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43, đã qua sử dụng của bà Ma Thị V (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S đen, số khung: RLHJF6337LZ610750, số máy: JF94E0209957, Biển kiểm soát 20B2- 399.27, đã qua sử dụng của bà Bùi Thị L1 (đã thu hồi được). Ngày 12/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công anTPTN đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho bà Bùi Thị L1 (mẹ đẻ của A H.N) là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:**

**6.1. Bị cáo nhất trí bồi thường:**

- Bồi thường cho A Trần Xuân L 28.000.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade đã qua sử dụng (chưa thu hồi được); Bồi thường cho ông Dương Kỳ S 12.600.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda

Wave, đã qua sử dụng, (chưa thu hồi được) theo giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TPTN;

- Bồi thường cho A H.N số tiền 12.000.000 A.Nchוע xe tại cửa Hàng A Đỗ Ngọc H.

**6.2.** Bị cáo đã tác động A Nguyễn Văn Th1 (em trai ruột) bồi thường cho A Trần Văn Tr số tiền 7.000.000 đồng; A Sầm Hoàng Đức 10.000.000 đồng (do Anh Đ đã chết, bà Ma Thị V là bà nội của Anh Đ nhận số tiền); A Tr, bà V có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo;

- A Th1 đã bồi thường cho A Trần Văn Tr số tiền 7.000.000 đồng; A Sầm Hoàng Đức 10.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7]. Về hình phạt bổ sung và án phí:**

- Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn phải chấp Hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai khai không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách NH nước theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án, bị cáo khai có người tên C và Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) G gặp C và Đ ở trên đường, 2 người đưa G đi cầm cố xe mô tô Biển kiểm soát 20B1 – 161.75 xong từ đó đến nay không còn liên hệ với nhau, G không biết nhân thân, lai lịch của 02 người này, quá trình điều tra, không xác định được nhân thân lai lịch của C và Đ nên không có căn cứ xử lý.

Nguyễn Xuân G khai mang xe mô tô Biển kiểm soát 20B2 – 106.34 đi cầm cố tại Cửa Hàng dịch vụ cầm đồ mua bán ô tô Nguyễn Dân. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn Dân là chủ sở hữu cửa Hàng khẳng định không nhận cầm cố xe trên và cũng không quen biết G. Căn cứ tài liệu điều tra xác định, ngoài lời khai của G, không có căn cứ nào khác xác định ông Dân là người nhận cầm cố xe mô tô trên nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Đỗ Tiến T là người nhận cầm cố xe mô tô Biển kiểm soát 20B1 – 161.75; Đỗ Ngọc H là người nhận cầm cố xe mô tô Biển kiểm soát 20B2 – 399.27. Quá trình điều tra, xác định T và H nhận cầm cố xe của G, không biết nguồn gốc xe mô tô G cầm cố là do phạm tội mà có nên không xem xét, xử lý.

Đối với đối tượng Nguyễn Việt C1 là người mà G khai đã bàn bạc với G để lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô Biển kiểm soát 20E1- 430.43 của A Sầm Hoàng Đức. Tuy nhiên, ngày 02/3/2023, Nguyễn Việt C1 đã chết, nên không xem xét, xử lý.

Ngoài ra, ông Dương Kỳ S khai báo G còn chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động (không rõ nhãn hiệu, chủng loại). Quá trình điều tra, G khẳng định không chiếm đoạt chiếc điện thoại nào của ông S. Ngoài lời khai của ông S, không có tài liệu nào xác định G chiếm đoạt điện thoại của ông S, nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Xuân G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân G **42 (Bốn mươi hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi Hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

2.1. Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho A Trần Văn Tr số tiền 7.000.000 đồng; anh Sầm Hoàng Đ 10.000.000 đồng

2.2. Buộc bị cáo phải bồi thường cho A Trần Xuân L trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade (đã qua sử dụng) **28.000.000** đồng (*hai mươi tám triệu đồng*); bồi thường cho ông Dương Kỳ S **12.600.000** đồng (*mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (đã qua sử dụng); bồi thường cho A H.N số tiền chuộc xe **12.000.000** đồng (*Mười hai triệu đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án, nếu người phải thi Hành án chậm thi Hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi Hành cho đến khi thi Hành xong theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường H3 bản án, Quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án, người phải thi Hành án có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi Hành án dân sự; Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

### [3]. Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S xA đen bạc, số khung: RLHJA3900HY448225; số máy: JA39E042336, Biển kiểm soát 20B2 – 054.64, đã qua sử dụng của ông Dương Kỳ S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S xA bạc đen; Số khung: JF63E2199660; số máy: RLHJF6329HZ166091, Biển kiểm soát 20B2-106.34, đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị S (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu S trắng – đen; số máy: 55P1 – 041498; số khung: BY 041534, Biển kiểm soát 20B1-161.75, đã qua sử dụng của A Trần Văn Tr (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu S đen bạc, số máy JA39E2375353, số khung: RLHJA3928MY255073, Biển kiểm soát 20E1 – 430.43, đã qua sử dụng của bà Ma Thị V (chưa thu hồi được).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu S đen, số khung: RLHJF6337LZ610750, số máy: JF94E0209957, Biển kiểm soát 20B2- 399.27, đã qua sử dụng của bà Bùi Thị L1 (đã thu hồi được). Ngày 12/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TPTN đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 335/QĐ-ĐTTH, bằng hình thức trả lại xe mô tô trên cho bà Bùi Thị L1 (mẹ đẻ của A H.N) là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

**[4]. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.630.000đ (*Hai triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào ngân sách NH nước.

**[5]. Quyền kháng cáo:**

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ
- Lưu HS; Lưu BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thu Huệ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Huệ**







